

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2022/HS-ST**
Ngày: 31 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Bà Trần Thị Thìn

Ông Điều Bách

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Kim Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Bé Văn D (không có tên gọi khác) sinh năm 1985 tại tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú: Buôn P, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: Khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Công nhân; cha là Bé Văn D, sinh năm 1962 và mẹ là Nông Thị L, sinh năm 1961; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là Nông Thị T, sinh năm 1986 và ba người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Luật sư Ngô Quốc C – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Q - Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Số 420 Quốc lộ 14, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Luật sư Nguyễn Quốc T – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH I; Địa chỉ: Số 243A V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị hại: Nông Văn H, sinh năm 1983; trú tại: xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nông Thị P, sinh năm 1960; Trú tại: xóm Bản Ngảm, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (mẹ bị hại, có mặt)

Bà Nông Thị P ủy quyền cho ông Tô Vũ H, sinh năm 1975; trú tại: xóm Bản Ngảm, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng tham gia tố tụng (Theo Giấy ủy quyền ngày 21/02/2022, có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nông Thị T, sinh năm 1986; Trú tại: Buôn P, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Người làm chứng:

- Bé Thị N, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn Q, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Hg Văn C, sinh năm 1987; Nơi thường trú: Buôn P, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- La Văn C, sinh năm 1988; Nơi thường trú: Buôn P, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Hg Văn L, sinh năm 1998; Nơi thường trú: Bon Đ, xã , huyện T, tỉnh Đắk Nông; Chỗ ở: Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

- Triệu Văn P, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn Q, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2021, Bé Văn D nghi ngờ vợ là chị Nông Thị T sinh năm 1986 có quan hệ tình cảm nam nữ với anh Nông Văn H sinh năm 1983 làm chung công ty với chị T nên D bức tức nhưng không nói cho ai biết.

Khoảng 18 giờ ngày 13/02/2022, sau khi uống rượu tại phòng trọ của D thuê thuộc Khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước xong thì D điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Vision biển số 47C1- 425.45, phía trước gần tay lái của xe mô tô có gắn hộc chứa đồ, bên trong cốp bên tay trái có để sẵn 01 con dao gấp, loại bấm bằng kim loại có một phần ốp gỗ, dài 22,2cm, lưỡi dao bằng kim loại dạng một lưỡi sắc, mũi dao nhọn, lưỡi dài 10,5cm, bản rộng là 0,9cm đến phòng trọ của vợ chồng em gái của D là chị Bé Thị N, sinh năm 1991 và anh Triệu Văn P, sinh năm 1986 thuộc ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để chơi. Khi đang nói chuyện với chị N trong phòng trọ, D thấy anh H đi về phòng anh H

ngang qua phòng trọ phòng trọ chị N. Sau đó D đi qua phòng trọ của anh H nói “*anh mới đi chơi về hả*”, anh H nói “*ừ*” và nói “*ngồi chơi để anh pha trà uống*”. Lúc này, anh P đi chơi về và cũng qua phòng trọ anh H chơi thì D nhận được điện thoại của chị P (chị dâu của D) rủ D ra thành phố Đ uống nước giải khát, nên D nói với anh H “*đừng pha trà nữa em đi chơi đây*” rồi D đi qua phòng trọ của chị N rủ anh P và chị N đi cùng. D dắt xe mô tô, biển số 47C1-425.45 ra trước dãy phòng trọ, anh P đi theo sau. Khi ra đến đầu dãy phòng trọ thì D ngồi lên xe mô tô, anh P cũng ngồi lên xe thì chị N đi đến nói “*Say rồi không đi đâu hết*” và ngăn cản không cho anh P đi. Lúc này, D nhớ lại việc nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với vợ mình là chị T, nên lấy 01 con dao trong hộp chứa đồ phía trước trên xe mô tô, có sẵn từ trước, bỏ vào túi quần phía sau bên phải rồi chạy về phía phòng trọ anh H. Thấy D cầm dao nên anh P và anh Hg Văn C, sinh năm 1987 chạy theo sau D để can ngăn. Khi vào trong phòng trọ của anh H, D nói “*anh H ơ*” nhưng không thấy anh H trả lời. D nhìn vào khu vực phòng tắm thấy trong phòng tắm có điện chiếu sáng, cửa phòng tắm đóng nên biết anh H đang tắm. D đi đến dùng chân phải đạp cửa nhà tắm làm cửa nhà tắm bung vào trong, tay phải cầm dao đi vào đứng đối diện anh H và nói “*Sao anh đối xử với em như vậy*” rồi dùng dao đâm liên tiếp hai nhát trúng vùng ngực và bụng anh H thì anh H lùi lại và ngồi xuống nền phòng tắm, lưng dựa vào tường. Anh C và anh P chạy vào cửa phòng tắm thấy D tay phải đang cầm dao, anh C dùng hai tay nắm tay trái của D kéo ra ngoài để can ngăn. Sau khi gây án D đến Công an phường T, thành phố Đ đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp con dao gây án. Còn anh H được anh P và anh Hc, sinh năm 1998 đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước cấp cứu nhưng đã tử vong [các bút lục số: 01, 02; 41-43; 70-123].

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 42/2022/GDPY ngày 15/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, kết luận đối với tử thi Nông Văn H:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương dạng hình khe, bờ mép sắc gọn; Vết thương thấu ngực bụng gây thủng quai động mạch chủ và thủng gan; Trần máu khoang màng phổi, tràn máu khoang màng tim, ổ bụng.

2. Nguyên nhân chết: Nông Văn H, sinh năm 1983 bị vết thương thấu ngực, bụng gây thủng quai động mạch chủ, thủng gan, tràn máu đa màng, sốc mất máu cấp dẫn đến tử vong.” [các bút lục số: 50-52].

Bản kết luận giám định số 1216/KL-KTHS ngày 17/3/2022 của Phân viện KHHS tại TP.Hồ Chí Minh - Bộ Công an, kết luận:

“- Trên lưỡi và cán dao có dính máu người, của một nam giới. Kiểu gen của nam giới này trùng với kiểu gen của Nông Văn H.

- Trên áo thun gửi giám định có dính máu người, của một nam giới. Kiểu gen của nam giới này trùng với kiểu gen của Nông Văn H.” [bút lục số 56].

Bản kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 176/2022/HS ngày 25/5/2022 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Phước, kết luận:

“Con dao (vật chứng giám định) trong tư thể thực nghiệm điều tra (Biên bản thực nghiệm điều tra hồi 08 giờ 30 phút ngày 29 tháng 4 năm 2022, hình từ 27 đến 32) khi Bé Văn D cầm dao đâm vào cơ thể có thể gây ra được các tổn thương trên cơ thể của Nông Văn H” [các bút lục số: 59-61].

Vật chứng thu của bị cáo khi đầu thú: 01 con dao gấp, loại bấm bằng kim loại có một phần ốp gỗ, dài 22,2cm, lưỡi bằng kim loại dạng một lưỡi sắc, mũi nhọn, lưỡi dao dài 10,5cm, bản rộng nhất là 0,9cm, trên phần lưỡi dao có dính chất màu nâu đỏ (nghỉ máu); 01 xe mô tô, nhãn hiệu Vision biển số 47C1-425.45; 01 áo thun ngắn tay, cổ tròn, màu xám, vạt áo trước cách đường nối thân áo trước sau bên phải 16cm, vạt dưới lên 2,5cm có vết màu nâu đỏ (nghỉ máu) bám dính kích thước (2 x 1,3) cm; 01 quần Jean dài, màu đen; chất bẩn trong kẽ móng tay phải và bàn tay trái; dấu vết màu nâu đỏ trên mặt sau ngón 3 bàn tay phải.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện của bị hại là bà Nông Thị P (bà Phối ủy quyền cho ông Tô Vũ H SN: 1975, thường trú: Xóm B, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng) yêu cầu bị cáo Bé Văn D bồi thường số tiền 407.486.000 đồng là tiền chi phí mai táng, ma chay và tổn thất tinh thần. Chị Nông Thị T (vợ của bị cáo D) đã bồi thường cho gia đình bị hại 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Cáo trạng số 17/CT-VKS-P2 ngày 04/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Bé Văn D phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Bé Văn D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

- Chị Nông Thị T và người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nông Thị P xác nhận chị T đã bồi thường cho bà Phối thay cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị xử phạt bị cáo D theo quy định pháp luật; yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí mai táng và tổn thất tinh thần với tổng số tiền 407.486.000 đồng, gồm:

+ Chi phí thuê xe đưa thi thể bị hại từ Bình Phước về Cao Bằng: 32.000.000 đồng;

+ Chi phí ăn uống từ Bình Phước về Cao Bằng: 4.200.000 đồng;

+ Tiền mua quan tài: 52.000.000 đồng;

+ Tiền thuê người đón xác vào nhà + khiêng xác đi chôn: 9.200.000 đồng x 2 = 18.400.000 đồng;

+ Tiền thuê người chuyển vật liệu, đào huyệt: 34.000.000 đồng;

+ Chi phí thuê thầy mo: 15.000.000 đồng;

+ Các chi phí mua lợn, mua gạo, rượu, lợn, hương, vàng mã, thuốc lá: 71.846.000 đồng;

- + Tiền xe đi lấy đồ từ Bình Phước về: 2.400.000 đồng;
- + Tiền ăn uống đi đường, cước xe máy: 4.890.000 đồng;
- + Tồn thất tinh thần: 200.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị T đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô Honda, nhãn hiệu Vision biển số 47C1-425.45 là tài sản của chị được cha mẹ cho để chị có phương tiện đi lại, chăm sóc 03 con nhỏ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Bé Văn D tại Cáo trạng số 17/CT-VKS-P2 ngày 04/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bé Văn D phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bé Văn D mức hình phạt từ 19 đến 20 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao của bị cáo Bé Văn D sử dụng vào việc phạm tội và các đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án không còn giá trị sử dụng như đã thu giữ. Riêng xe mô tô, nhãn hiệu Vision biển số 47C1-425.45 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Bé Văn D nên cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm việc giải quyết bồi thường dân sự.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa: Thống nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các điều khoản áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình H cảnh khó khăn, con còn nhỏ, bố mẹ già nhưng đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, bị cáo từng có nhiều thành tích khi công tác tại địa phương, việc bị cáo phạm tội chỉ là hành động tức thời không có sự chuẩn bị từ trước, nhân thân tốt nên mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là có phần nghiêm khắc, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất khung hình phạt. Đối với chiếc xe Vision biển số 47C1-425.45 là tài sản của chị T, không liên quan tới việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho chị T.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Bế Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận giám định pháp y về tử thi, Kết luận giám định pháp y qua hồ sơ; phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, thực hiện hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù không có căn cứ nhưng chỉ vì nghi ngờ vợ mình là chị Nông Thị T có mối quan hệ bất chính với bị hại Nông Văn H. Nên, vào khoảng 18 giờ ngày 13/02/2022, tại phòng trọ của anh H ở ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, trong lúc anh H đang tắm trong phòng tắm, bị cáo đã vô cớ đập cửa làm cửa nhà tắm bung vào trong, rồi dùng con dao gấp dạng dao bấm bằng kim loại có một phần cán ốp gỗ dài 22,2cm, lưỡi bằng kim loại dạng 1 lưỡi sắc, mũi nhọn, lưỡi dao dài 10,5cm bản rộng nhất 0,9cm đâm hai nhát liên tiếp vào vùng ngực, bụng của anh H khiến anh H gục xuống bất tỉnh tại chỗ và tử vong. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo D về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là H toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, có thể tước đi mạng sống của người bị hại nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Việc bị cáo dùng hung khí nguy hiểm là dao nhọn đâm vào vùng trọng yếu trên cơ thể bị hại khi bị hại không có khả năng phòng vệ và không có căn cứ xác định bị hại là người có lỗi với bị cáo là thể hiện tính côn đồ, coi thường tính mạng người khác.

[4] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng con người là khách thể được Bộ luật hình sự ưu tiên bảo vệ, tước đi mạng sống người bị hại, gây mất mát đau thương cho gia đình bị hại không có gì bù đắp được. Hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để phát huy tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn

năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trong quá trình công tác bị cáo nhiều lần được khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc, có người thân là người có công với cách mạng (bác ruột), bị cáo có 03 con còn nhỏ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Theo quy định tại Điều 591 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì chi phí hợp lý cho việc mai táng là *“các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo thông lệ chung. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ...”* và *“một khoản tiền bù đắp về tinh thần do các bên tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức bồi thường không quá 100 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”*.

Đối chiếu với các yêu cầu bồi thường của người đại diện hợp pháp bị hại thì có căn cứ chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí mai táng, gồm: chi phí thuê xe đưa thi thể bị hại từ Bình Phước về Cao Bằng 30.000.000đồng; chi phí mua quan tài và đồ khâm liệm 52.000.000đồng (có hóa đơn, chứng từ), tiền thuê người đón xác vào nhà + khiêng xác đi chôn 18.400.000 đồng, tổng cộng 100.400.000đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần, người đại diện hợp pháp yêu cầu bồi thường số tiền 200.000.000đồng, tuy nhiên theo quy định số tiền bồi thường không quá 100 tháng lương cơ sở nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu buộc bị cáo bồi thường cho bị hại ở mức cao nhất với số tiền 149.000.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bà Phối là 249.400.000đồng. Khấu trừ số tiền 100.000.000đồng chị T đã bồi thường thay cho bị cáo thì bị cáo còn tiếp tục phải bồi thường 149.400.000đồng.

Đối với số tiền 100.000.000đồng chị T đã bồi thường thay cho bị cáo, chị T không yêu cầu bị cáo phải H trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 con dao gập, loại bấm bằng kim loại có một phần ốp gỗ, dài 22,2cm, lưỡi bằng kim loại dạng một lưỡi sắc, mũi nhọn, lưỡi dao dài 10,5cm, bản rộng nhất là 0,9cm mà bị cáo dùng vào việc phạm tội;

+ 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Mẫu máu vị trí số 1”;

- + 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Mẫu máu vị trí số 2”;
- + 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Mẫu máu vị trí số 3”;
- + 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Chất bẩn kẽ móng tay Nông Văn H”;
- + 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Chất bẩn kẽ móng tay + dấu vết màu nâu đỏ ngón 3 tay phải Bé Văn D”;
- + 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Mẫu tóc, máu sau giám định”;
- + 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Quần áo thu của Bé Văn D”.
- + 01 đôi dép kẹp màu đen đã niêm phong.
- + 01 phong bì bên ngoài ghi “Chi bản Nông Văn H”.

- Trả lại cho chị Nông Thị T 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 47C1-425.45 do chiếc xe không liên quan đến việc phạm tội và là tài sản hợp pháp của chị T, cần trả lại để chị T dùng làm phương tiện đi lại và chăm sóc các con.

[8] Về án phí: Bị cáo Bé Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.470.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có căn cứ một phần nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bé Văn D phạm tội “Giết người”

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bé Văn D 19 (mười chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/02/2022.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, Điều 591; khoản 2 Điều 593 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Bé Văn D phải tiếp tục bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nông Thị P số tiền 149.400.000 (một trăm bốn mươi chín

triệu, bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 con dao gấp, loại bấm bằng kim loại có một phần ốp gỗ, dài 22,2cm, lưỡi bằng kim loại dạng một lưỡi sắc, mũi nhọn, lưỡi dao dài 10,5cm, bản rộng nhất là 0,9cm mà bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Mẫu máu vị trí số 1”.

+ 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Mẫu máu vị trí số 2”.

+ 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Mẫu máu vị trí số 3”.

+ 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Chất bẩn kẽ móng tay Nông Văn H”.

+ 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Chất bẩn kẽ móng tay + dấu vết màu nâu đỏ ngón 3 tay phải Bé Văn D”.

+ 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Mẫu tóc, máu sau giám định”.

+ 01 phong bì đã niêm phong, bên ngoài ghi “Quần áo thu của Bé Văn D”.

+ 01 đôi dép kẹp màu đen đã niêm phong;

+ 01 phong bì bên ngoài ghi “Chỉ bản Nông Văn H”.

- Trả lại cho chị Nông Thị T 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 47C1-425.45 do chiếc xe không liên quan đến việc phạm tội và là tài sản hợp pháp của chị T, cần trả lại để chị T dùng làm phương tiện đi lại và chăm sóc các con.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/7/2022 và Bảng kê tang vật kèm theo của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước)

5. Án phí:

Bị cáo Bế Văn D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.470.000 (Bảy triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bà Nông Thị P, chị Nông Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND CC tại TP.HCM; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQCSĐT - CA tỉnh Bình Phước; (1);
- CQTHAHS - CA tỉnh Bình Phước (1)
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người đại diện của bị hại; (2)
- Người liên quan; (1)
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước; (1)
- THCTP; Lưu THS; Tòa HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đinh Thị Quý Chi